TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2026
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Kim Hảo và bà Trần Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý A Dà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hờ Thị Hương G**, sinh năm 2002;

Mã số định danh cá nhân: xx;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Hờ Thị Hương G: Bà Nguyễn Thị H- Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L.

- Bị đơn: Anh **Mùa Trung H1**, sinh năm 1999;

Mã số định danh cá nhân: xx;

Địa chỉ: Thôn M1, xã M, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Mùa Trung H1: Ông Tòng Văn Q- Luật sư, Thuộc văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh L.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt; bà H, ông Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, tại phiên tòa chị Hờ Thị Hương G trình bày: Chị và anh M Trung Hiếu kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M2, tỉnh Yên Bái cũ vào ngày 10/01/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại thôn M, xã M, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng

6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, anh H1 đập phá đồ nội thất và suốt ngày đi chơi không chịu khó làm ăn, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được, chị G và anh H1 sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay không còn quan tâm gì nhau. Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn với anh H1. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Mùa Đức M1, sinh ngày 23/02/2023, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu M1 ở cùng chị G, được chị G chăm sóc nuôi dưỡng và cho học tập tại xã H, tỉnh Lào Cai. Sau ly hôn chị Hờ Thị Hương G có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu M1, nay yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/ tháng, để chứng minh cho yêu cầu của mình chị G đã giao nộp Hợp đồng lao động, bảng thanh toán lương nhân viên các tháng 01/2026 đến tháng 6/2026 của Cửa hàng điện máy Đại Đoàn G1 với mức thu nhập từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/ tháng; bảng xác nhận của Trường Mầm non H4, xã H, tỉnh Lào Cai với nội dung cháu Mùa Đức M1 là học sinh lớp nhà trẻ của T; Đơn đề nghị có xác nhận của UBND xã H, tỉnh Lào Cai với nội dung chị G và anh H1 sống ly thân chị G đưa theo con Mùa Đức M1 về chung sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn T, xã H, tỉnh Lào Cai, cháu M1 được chị G trực tiếp nuôi dưỡng và cho đi học tại địa phương.

Tại bản tự khai, tại phiên tòa anh Mùa Trung H1 trình bày: Anh và chị Hờ Thị Hương G, sinh năm 2002 kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái cũ ngày 10/01/2023. Sau kết hôn sinh sống tại huyện M, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn từ tháng 6/2024 nguyên nhân do không tin tưởng nhau dẫn đến cãi vã, đánh nhau, từ tháng 10/2024 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, nay chị G xin ly hôn anh H1 nhất trí. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Mùa Đức M1, sinh ngày 23/02/2023, hiện nay cháu M1 đang ở với chị G. Sau ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con, anh muốn nuôi con vì theo phong tục người Mông con trai sau này lớn lên phải theo dòng họ bố, thờ cúng tổ tiên của dòng họ mình, chị G còn trẻ còn lấy thêm chồng và hiện nay cũng đang nuôi một con riêng của chồng trước, không có thu nhập, sống phụ thuộc vào bố mẹ, không có khả năng nuôi con. Anh H1 có nhà, có ruộng và có hợp đồng lao động với Trường D, xã M, tỉnh Lào Cai, bố mẹ đẻ là Sùng Thị S và Mùa A C đều là giáo viên có lương ổn định đủ điều kiện nuôi con. Anh H1 giao nộp danh sách phát tiền giao khoán nhân viên nuôi dưỡng Mùa Trung Hiếu có xác nhận của Trường D với mức thu nhập 6.091.500 đồng, và bảng danh sách tiền lương mang tên Sùng Thị S.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh H1 tự thỏa thuận đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh với trưởng thôn Màng Mủ, xã M thể hiện: Anh Mùa A H2 và chị Hờ Thị Hương G kết hôn có đăng ký năm 2023, sau kết hôn anh chị sinh sống tại địa phương. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn với nhau nhưng tôi không rõ nguyên nhân, từ năm 2024 anh chị đã sống ly thân với nhau. Anh H2 và chị G có 01 con chung là cháu Mùa Đức M1, sinh năm 2023, kể từ khi anh chị H sống ly thân thì chị G đưa con chung là cháu M1 về chung sống với gia đình bố mẹ đẻ ở xã H, tỉnh Lào Cai (huyện T, tỉnh Yên Bái cũ) còn anh H2 vẫn sinh sống tại địa

phương. Hiện nay anh H2 có công việc làm nhân viên nuôi dưỡng tại trường N $ THCS C, xã M bản thân anh H2 đang nuôi dưỡng 01 con nhỏ là con riêng của anh H2 với người vợ trước khi lấy chị G. Nay chị G và anh H2 đề nghị giải quyết ly hôn, nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/6/2026 chị Hờ Thị Hương G và anh Mùa Chung H3 đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân chị G và anh H3 thống nhất thuận tình ly hôn, không thỏa thuận được về con chung: Chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh H3 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng; anh H3 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hờ Thị Hương G:Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận về việc thuận tình ly hôn của chị Hờ Thị Hương G và anh Mùa Chung H3; về con chung: Giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mùa Đức M1, anh H3 phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho chị G; anh H3 phải chịu án phí ly hôn là 75.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Mùa Trung H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M1, xã M, tỉnh Lào Cai vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hờ Thị Hương G và anh Mùa Trung H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 01/01/2023 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M2, tỉnh Yên Bái cũ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Hờ Thị Hương G và anh Mùa Trung H1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên hòa giải, Chị Hờ Thị Hương G và anh Mùa Trung H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và cùng tự nguyện yêu cầu được ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các bên đã thống nhất được việc giải quyết quan hệ hôn nhân. Do đó, có căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hờ Thị Hương G và anh Mùa Trung H1.

[4] Về con chung: Anh H1 chị G có 01 con chung là Mùa Đức M1, sinh ngày 23/02/2023. Tại phiên tòa, cả chị G và anh H1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Anh H1 không yêu cầu cấp dưỡng, chị G yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng, kể từ thời điểm xét xử đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H1 nhất trí trường hợp không được giao trực tiếp nuôi con thì sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng với mức 1.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy, cả chị G và anh H1 đều có việc làm, thu nhập và nơi ở ổn định, có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu M Đức Mạnh còn nhỏ (hơn ba tuổi), đang do chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, có nơi ở, môi trường sinh hoạt và học tập ổn định tại thôn T, xã H, tỉnh Lào Cai. Quá trình giải quyết vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện chị G không bảo đảm điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con hoặc việc giao con cho chị G sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cháu. Mặt khác, việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng trong thời điểm hiện tại có thể ảnh hưởng đến môi trường sống, sinh hoạt và sự phát triển bình thường của con chung. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, đồng thời duy trì sự ổn định trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Mùa Đức M1 cho chị Hờ Thị Hương G tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại các Điều 69, 82, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét anh H1 có việc làm, thu nhập ổn định, có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng đã được các bên thống nhất tại phiên tòa, phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu Mùa Đức M1 cũng như khả năng thực tế của anh H1, nên Hội đồng xét xử buộc anh M Trung Hiếu cấp dưỡng nuôi cháu M Đức Mạnh số tiền 1.000.000 đồng/tháng, theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm (21/7/2026) cho đến khi cháu M Đức Mạnh đủ 18 tuổi hoặc đến khi có căn cứ thay đổi theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Tại phiên hòa giải các anh H1 và chị G đã thỏa thuận được về việc ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung, Tòa án phải xét xử và ra bản án nên anh H1 và chị G mỗi bên phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị G có đơn đề nghị miễn án phí. Xét thấy, chị G là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn cho chị Hờ Thị Hương G.

Anh Mùa Trung H1 là người không trực tiếp nuôi con và có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hờ Thị Hương G và anh Mùa Trung H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Hờ Thị Hương G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Mùa Đức M1, sinh ngày 23/02/2023, anh M Trung Hiếu phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/7/2026) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị G có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên mà anh H1 chậm thi hành thì hàng tháng anh H1 còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, với mức lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Mùa Trung H1 phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Hờ Thị Hương G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chị G được hoàn trả lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai ký hiệu số BLTU/26E số 0001933 ngày 19/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4-Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 4-Lào Cai;

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã M (UBND xã M, huyện M2, Yên Bái cũ;
- Các đương sự; NBVQLIHP của đương sự;
- Lưu:

Lưu Hoa Quỳnh